| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

***Bản án số:05/2019/KDTM-ST***
***Ngày: 10/6/2019***
*V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Hoàng Quý Sửu

*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Trần Tuấn Hưởng

***- Thư ký phiên toà:***Bà Phạm Ngọc Anh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên :***Ông Nguyễn Đức Chiến, Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2019/TLST-KDTM ngày 05/3/2019 về việc Tranh chấp "hợp đồng mua bán hàng hóa", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX-ST ngày 23/5/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH MTV xi măng V

Địa chỉ: Khu 2 B, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương

Đại diện ủy quyền: Ông Phạm Văn O, Trưởng phòng kế toán, có mặt

***Bị đơn:*** Công ty TNHH MỏN

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Quang Vinh, Phó giám đốc, có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Năm 2011 và năm 2012 Công ty TNHH MTV xi măng V (gọi tắt là Công ty xi măng H) ký hợp đồng mua bán xi măng và phụ lục hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân N. Từ ngày 01/7/2012 Công ty xi măng H không ký hợp đồng mua bán xi măng với Doanh nghiệp tư nhân N nữa. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/7/2012 xác định Doanh nghiệp tư nhânN còn nợ số tiền mua bán xi măng tính đến ngày 30/6/2012 là 1.599.996.482 đồng.

Sau khi Doanh nghiệp tư nhânN chuyển đổi thànhCông Ty TNHH MỏN (gọi tắt là Công tyN), hai bên xác định Công ty N còn nợ Công ty Xi măng H số tiền mua xi măng còn thiếu là 1.599.996.482 đồng, số tiền lãi theo Kiểm toán Nhà nước xác định đến ngày 31/12/2013 Công tyN còn nợ 132.799.708 đồng, hai bên lập biên bản xác định tổng số nợ: 1.732.796.190 đồng.

Từ sau ngày 31/12/2013 Công ty N đã trả được số tiền là: 161.000.000 đồng; số tiền gốc còn nợ: 1.438.996.482 đồng

Nay Công ty Xi măng V yêu cầu Tòa án buộc Công ty N phải trả số tiền mua bán xi măng còn thiếu:1.438.996.482 đồng;số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2013 là 132.799.708 đồng; số tiền lãi của số tiền mua bán xi măng còn thiếu từ ngày 31/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 5 năm 05 tháng theo lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Công ty N còn phải trả khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại thời điểm xét xử sơ thẩm kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong.

Công tyN trình bày:Công ty N nhận chuyển đổi Doanh nghiệp tư nhânN và xác định có trách nhiệm thực hiện các khoản nợ cũ của Doanh nghiệp tư nhânN. Sau khi chuyển đổi, doanh nghiệp đã trả được số tiền như Công ty xi măng V trình bày và còn nợ số tiền gốc, tiền lãi theo Kết luận Kiểm toán Nhà nước tính đến ngày 31/12/2013 như Công ty Xi măng H trình bày là đúng.

Nay Công ty xi măng H yêu cầu Công tyN trả số tiền gốc còn thiếu 1.438.996.482 đồng, lãi tính đến ngày 31/12/2013 là 132.799.708 đồng và khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạntính từ ngày 31/12/2013 cho đến khi thanh toán xong.Công ty N chỉ chấp nhận trả số tiền gốc và khoản tiền lãi theo kết luận Kiểm toán Nhà nước132.799.708 đồng, không nhất trí trả khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng như Công ty xi măng H yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo  pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải giải quyết vụ việc, đề nghị Tòa chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả khoản tiền gốc, tiền lãi và tiền lãi quá hạntheo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:Đây là việc kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên có đăng ký kinh doanh, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, đều có mục đích lợi nhuận, là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản giao hàng, cácbiên bản đối chiếu xác nhận công nợ, và lời thừa nhận củaCông Ty TNHH

MỏN, xác định Công tyN còn nợ Công ty Xi măng H số tiền mua xi măng còn thiếu là 1.438.996.482 đồng và khoản tiền lãi tính đến ngày 31/12/2013là 132.799.708 đồng.

Về khoản tiền lãi chậm trả: Công tyN không đồng ý trả khoản tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của Công ty Xi măng H. Xét thấy, tại Mục 5.1 Điều 5 của hợp đồng mua bán các bên có thỏa thuận việc trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn tính từ ngày thứ 26 kể từ ngày giao hàng đối với số tiền chậm trả. Nay Công ty Xi măng H yêu cầu Công tyN trả khoản tiền lãi tính từ ngày 31/12/2013 theomức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồnglà có căn cứ.

Về mức lãi suất chậm thanh toán, theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Do các bên có thỏa thuận về việc tính lãi quá hạn, nhưng không nhất trí thực hiện việc thỏa thuận, nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Mức lãi suất được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm tương ứng với thời gian chậm trả là lãi suất trung hạn của ba ngân hàng trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, cụ thể:

Mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: 11%/năm; Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam: 11,5%/năm; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 10,5%/năm. Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng là 16,5%/năm.

Số tiền lãi quá hạn từ ngày 31/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là5 năm 5 tháng x 16,5%/năm là: 1.286.103.105 đồng.

Công tyN còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn 16,5%/nămkể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại, Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí;

*Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Xi măng V;

Buộc Công ty TNHH MỏN có trách nhiệm trảCông ty TNHH MTV xi măng V khoản tiền mua bán hàng hóa còn thiếu là 1.438.996.482 đồng; số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2013 là:132.799.708 đồng; số tiền lãi từ ngày 31/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn là 5 năm 5 tháng

là:1.286.103.105 đồng. Tổng cộng: 2.857.899.295 đồng (hai tỷ tám trăm năm mươi bẩy triệu tám trăm chín mươi chín nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

Công ty TNHH Mỏ N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất 16,5%/ năm kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2/ Án phí: Công ty TNHH MỏN phải chịu 89.157.985 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH MTV xi măng V 29.500.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007370 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bên đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Quý Sửu**

**Nơi nhận:**
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Quý Sửu**